

Số báo danh của học sinh:

Kết quả điểm: /20

Họ tên giáo viên chấm thi:

Chữ kí:

Học sinh KHÔNG sử dụng máy tính bỏ túi khi làm bài.

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 điểm). Học sinh CHỌN MỘT đáp án ĐÚNG.

Câu 1. Trong các số sau, số nào chia hết cho 3 và 5?

- A) 275; B) 120; C) 48; D) 35.

Câu 2. Trong các cặp số sau, cặp số gồm hai số nghịch đảo của nhau là:

- A) 2,6 và 6,2; B) $-\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{2}$; C) $-\frac{4}{20}$ và -5; D) 1 và -1.

Câu 3. Cho x là số nguyên âm và thỏa mãn đẳng thức $\frac{x}{3} = \frac{12}{x}$. Khi đó x bằng:

- A) 6; B) 36; C) -18; D) -6.

Câu 4. Kết quả bỏ dấu ngoặc biểu thức: $a - (b - c)$ là:

- A) $a - b - c$; B) $a + b - c$; C) $a - b + c$; D) $-a - b - c$.

Câu 5. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A) Hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung;
B) Nếu tia Ot nằm giữa hai tia Ox và Oy thì $xOt + tOy = xOy$;
C) Góc nhọn là góc có số đo lớn hơn số đo góc tù;
D) Tia phân giác của góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc.

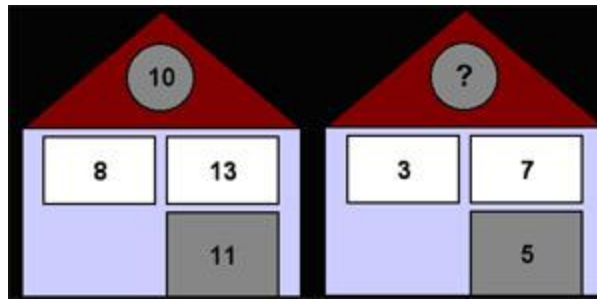
Câu 6. Số đo của góc phụ nhau với góc 50° là:

- A) 40° ; B) 50° ; C) 130° ; D) Kết quả khác.

Câu 7. Tìm một số biết $\frac{1}{3}$ của số đó bằng 15. Số đó là:

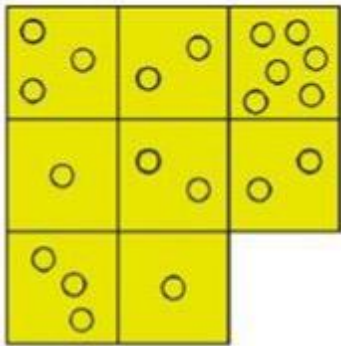
- A) 5; B) 20; C) 30; D) 45.

Câu 8. Chọn số còn thiếu điền vào dấu hỏi chấm cho hợp qui luật:



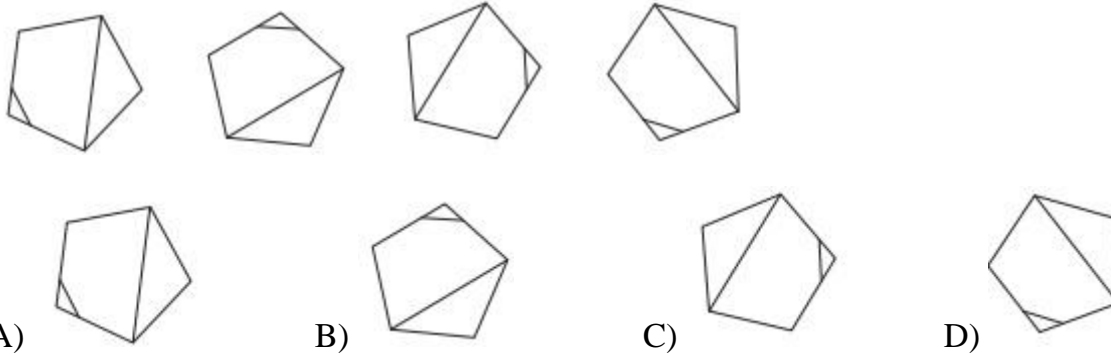
- A) 4; B) 6; C) 7; D) 5.

Câu 9. Tìm hình còn thiếu của hình dưới đây cho hợp qui luật:



- A) B) C) D)

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào khác với các hình còn lại:



PHẦN TỰ LUẬN (10 điểm).

Câu 1 (3 điểm). Thực hiện phép tính: $\frac{6}{7} + \frac{4}{7} : 4 + \frac{-3}{7}$.

Lời giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2 (3 điểm). Tìm x biết : $\frac{x}{6} = \frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$.

Lời giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3 (4 điểm). Vẽ tia Ox. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $\angle xOy = 40^\circ$, $\angle xOz = 80^\circ$. Tia Oy có phải là tia phân giác của góc xOz không? Vì sao?

Lời giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

HẾT